TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng.

Bà Trần Lệ Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đà Lạl là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Quách Văn S, sinh năm 1979; cư trú tại ấp 1, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị S1, sinh năm 1993; cư trú tại ấp 1, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05-4-2018 và biên bản hòa giải 11-5-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Quách Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Văn S và chị Nguyễn Thị S1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Năm 2011 chị S1 tự ý về cha mẹ ruột sống, không còn liên lạc và ly thân cho đến nay. Nay anh S giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị S1.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Quách Tấn D (nam), sinh ngày 15-11-2009, hiện nay đang sống với anh S. Khi ly hôn, anh S yêu cầu được nuôi con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 11-5-2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị S1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S1 thống nhất với lời trình bày của anh S về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống như anh S trình bày là đúng. Nay chị S1 đồng ý ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Quách Tấn D, sinh ngày 15-11-2009, hiện nay đang sống với anh S. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị S1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 16-5-2018, chị S1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 05-4-2018 thể hiện: Con chung Quách Tấn D có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là anh Quách Văn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị S1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng chị S1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Văn S và chị Nguyễn Thị S1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009. Tuy anh S và chị S1 xác lập quan hệ hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình chung sống, đến thời điểm yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị S1 không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Quách Tấn D (nam), sinh ngày 15-11-2009; hiện nay anh S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Tại biên bản hòa giải ngày 11-5-2018, anh S và chị S1 thỏa thuận giao cháu Tấn D cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa anh S và chị S1 là trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ý chí nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Giao con chung Quách Tấn D (nam), sinh ngày 15-11-2009 cho anh S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị S1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Tại biên bản hòa giải ngày 11-5-2018, anh S và chị S1 thống nhất xác định quá trình chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ người khác và không ai nợ lại nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí: Anh Quách Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh S, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28 và khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Quách Văn S và chị Nguyễn Thị S1 là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Quách Tấn D (nam), sinh ngày 15-11-2009 cho anh Quách Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị S1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Quách Văn S phải chịu 300.000 đồng, ngày 05 tháng 4 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0011892 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Quách Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị S1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út